

Bản án số: 472/2024/HC-PT

Ngày: 29-5-2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLPT-HC ngày 26/02/2024, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 182/2023/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1426/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà K, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: 0 thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Văn Thị N, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, Q, Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L

Địa chỉ trụ sở: Số D đường T, Phường C, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc P - Chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Phó giám đốc Sở T2 (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên H, chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên H, chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Phan Anh T1, chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/7/2023 và bản tự khai của người khởi kiện bà K trình bày:*

Ngày 05/4/2022 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND về việc phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà K theo văn bản số 591/UBND-VP ngày 17/3/2022 của UBND huyện Đ hỗ trợ phê duyệt cho bà là 5.583.235.000 đồng. Tuy nhiên, Bà K yêu cầu bồi thường đất theo giá đất cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 và theo Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hỗ trợ giá đất ở liền kề từ 35% đến tối đa 50% theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại do không thể sử dụng đất từ năm 1993 đến nay theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị giao 01 lô đất theo quy hoạch khu dân cư và chợ P1 theo Thông báo số 37/TB-UBND ngày 04/7/2009 của UBND tỉnh L. Nên bà đã khiếu nại Quyết định số 811/QĐ-UBND của UBND huyện Đ.

Ngày 05/9/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Sau đó bà K tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh L giải quyết tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 với nội dung: “Không chấp nhận khiếu nại của bà K. Giữ nguyên quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn của bà K”.

Không đồng ý với các quyết định trên, bà K khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Hủy Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 của UBND huyện Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà K;

- Hủy Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà K (lần 2);

- Hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà K lần đầu;

- Buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà K.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày:*

Bà K khiếu nại Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 05/4/2022) của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà. Bà K yêu cầu bồi thường về đất bằng giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện đúng theo Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ giá đất ở liền kề từ 35% lên mức tối đa là 50% theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất từ năm 1993 đến nay theo quy định của pháp luật; giao 01 lô đất thuộc quy hoạch khu dân cư và chợ P1 theo Thông báo số 37/TB-UBND ngày 04/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh L. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét giải quyết tại Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/9/2022 với nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Không đồng ý, bà K tiếp tục có đơn khiếu nại. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X, giải quyết tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 về việc giải quyết đơn của K với nội dung “Giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn của K”.

Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2:

Thực hiện Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở T2, Sở T3 và Ủy ban nhân dân huyện Đ thống nhất đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

(1) Giao Ủy ban nhân dân huyện Đ chỉ đạo Phòng, ban, đơn vị có liên quan tính toán, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà K đối với diện tích đất nông nghiệp 3.000m² (theo đúng như nội dung tuyên xử của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Về việc tính toán bồi thường, hỗ trợ:

Thực hiện theo khung chính sách quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước

thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (đây là các văn bản còn hiệu lực thi hành vào thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh L và cũng là các văn bản áp dụng dựa trên cơ sở theo đúng như kết quả giải quyết tại Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng về việc tính toán hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Thực hiện theo đúng mức hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND nêu trên (lý do: theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư được hỗ trợ tối đa bằng 50% giá đất ở liền kề, mức quy định cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định. Tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L đã quy định cụ thể về mức hỗ trợ, vì vậy đề nghị UBND huyện Đ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND).

Nội dung đề xuất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T tại Văn bản số 1687/UBND-TH2 ngày 17/3/2022.

Thực hiện Văn bản số 1687/UBND-TH2 ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Văn bản số 591/UBND-VP ngày 17/3/2022 về việc liên quan đến tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà K, chỉ đạo các cơ quan khẩn trương hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà K theo đúng quy định.

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ phê duyệt tại Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 thì diện tích 3.000m² đất thuộc thửa đất số 1122, tờ bản đồ địa chính số 01, xã H là đất hàng năm khác thuộc vị trí 1, trong khu dân cư được bồi thường, hỗ trợ như sau:

Bồi thường về đất: Phương án bồi thường, hỗ trợ xác định giá đất theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đơn giá bồi thường vị trí đất này là 141.750 đồng/m² (94.500 đồng/m² x 1,5 do đây là đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn nên đơn giá đã xác định cao hơn 50% giá trị đất nông nghiệp tương ứng quy định tại cùng vị trí, cùng địa bàn).

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư: Phương án tính toán hỗ trợ 2.000m² đất (không quá 5 lần hạn mức đất ở) bằng 35% giá đất ở. Đất ở tại vị trí này thuộc tuyến đường Quốc lộ 20, đoạn từ đường hẻm cạnh thửa đất số 534, tờ bản đồ địa chính số 20 đến thửa đất số 677, tờ bản đồ địa chính số 21 (đường vào nhà trẻ Hoa Anh Đ) có đơn giá là 7.200.000 đồng/m².

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Phương án tính toán hỗ trợ cho 03 nhân khẩu (toàn bộ số nhân khẩu hiện có theo sổ hộ khẩu năm 2008) với mức hỗ trợ 30 kg gạo/khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 6 tháng, giá gạo để tính hỗ trợ là giá do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ khảo sát tháng 02/2022 là 13.000 đồng/kg với tổng số tiền hỗ trợ là 3.510.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh L.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho 01 lao động với số tiền là 5.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà K là 5.473.760.000 đồng. Bà K đã nhận số tiền 5.473.760.000 đồng được phê duyệt nêu trên theo Bảng ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ngày 15/9/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ.

Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa chữa bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Việc bà K yêu cầu bồi thường về đất bằng giá đất cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và thực hiện đúng theo Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ giá đất ở liền kề từ 35% lên mức tối đa là 50% theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất từ năm 1993 đến nay; giao 01 lô đất thuộc quy hoạch khu dân cư và chợ P1 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết, vì:

Việc áp dụng khung chính sách tại Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 để tính toán bồi thường, hỗ trợ (phần còn thiếu chế độ, chính sách theo quy định có hiệu lực tại thời điểm phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà K đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ phê duyệt tại Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 là thực hiện đúng Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đúng quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Các chế độ, chính sách đã áp dụng đúng, đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; giá đất để tính toán bồi thường, hỗ trợ đã áp dụng đúng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Việc tính toán bồi thường theo giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án đã đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất.

Đồng thời, pháp luật không có quy định về bồi thường thiệt hại do không

được sử dụng đất gây ra nên không có cơ sở giải quyết nội dung bà K yêu cầu bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất từ năm 1993 đến nay. Mặt khác, bà K không bị thu hồi đất ở, nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở nên không thuộc đối tượng được tái định cư.

Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X, giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 về việc giải quyết đơn của bà K là đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:*

Qua rà soát hồ sơ cho thấy: Thực hiện bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà K. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Ngày 24/3/2021 UBND huyện Đ đã có văn bản số 595/UBND và 900/UBND ngày 27/4/2021 liên quan đến việc thực hiện Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó giao các ban ngành thuộc huyện tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND huyện thực hiện các nội dung theo Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở kết quả báo cáo của các ban ngành thuộc huyện, ngày 03/6/2021 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1538/QĐ-UBND-ĐĐ về việc thu hồi Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 và Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 15/6/2009 của UBND huyện phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà K cư ngụ tại thôn P, xã H. Đồng thời, giao các ban ngành thuộc huyện thực hiện việc thu hồi số tiền 247.565.000 đồng đã tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K trước đây để nộp về ngân sách theo quy định. Ngày 05/4/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K, với tổng số tiền là 5.473.760.000 đồng.

** Căn cứ để tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà K:*

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng; nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền tính theo giá đất cùng mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

2. Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, đất vườn ao liền kề với đất ở trong khu dân cư, ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng còn được hỗ trợ bằng tiền; gi tính hỗ trợ từ 20% đến 50% giá đất ở liền kề; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương”.

Theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định:

“1. Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng tại thời điểm có quyết định thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định của Chính phủ; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng”.

Theo Điều 43 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định:

“3. Đối với diện tích đất thuộc thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này thì diện tích được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất không vượt quá năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể diện tích đất được tính để hỗ trợ bằng tiền đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này”.

Tại thời điểm năm 2008 (thời điểm giải quyết khiếu nại lần 2), theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư:

“b) Đối với diện tích đất thuộc thửa đất nông nghiệp (không có nhà ở) thì diện tích được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất không vượt quá năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh”.

“Mức hỗ trợ và nguyên tắc áp dụng tính toán hỗ trợ theo giá đất ở liền kề:

a) Mức hỗ trợ bằng tiền tính theo giá đất ở liền kề:

- Đối với diện tích đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính phường, thị trấn: 1 Mức hỗ trợ là 50%;

- Đối với diện tích đất thuộc các khu vực còn lại: Mức hỗ trợ là 35%”.

Căn cứ các quy định nêu trên thì giá đất tính toán bồi thường cho hộ bà K là giá đất trồng cây hàng năm khác tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh C tại thời điểm có quyết định phê duyệt là năm 2022, cụ thể:

Về đơn giá đất: Áp dụng đơn giá theo quy định tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh, đối với đất trồng cây hàng năm, vị trí 1, trong khu dân cư xã H, đơn giá được xác định không vượt quá 50% giá đất nông nghiệp tương ứng quy định tại cùng vị trí, cùng địa bàn. Như vậy, đơn giá bồi thường là $94.500 \text{ đồng/m}^2 + (94.500 \times 50\%) = 141.750 \text{ đồng/m}^2$. Tổng số tiền bồi thường về đất đối với diện tích 3.000m^2 là $3.000\text{m}^2 \times 141.750 \text{ đồng/m}^2$

= 425.250.000 đồng.

- Về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Ngoài việc tính toán bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng, hộ bà K còn được hỗ trợ bằng 35% đơn giá đất ở liền kề theo đơn giá đất ở tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh C tại thời điểm có quyết định phê duyệt đối với diện tích 2.000m² đất ở (bảng 05 lần hạn mức giao đất ở tại xã H) theo quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L. Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 01, xã H có vị trí đất ở thuộc Quốc lộ B, đoạn Từ đường hẻm cạnh thửa 534, tờ bản đồ 20 đến thửa 677, tờ bản đồ 21 (đường vào Nhà trẻ Hoa Anh Đ), đơn giá theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh là 7.200.000 đồng/m². Như vậy, tổng số tiền hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư cho hộ bà K là $7.200.000 \text{ đồng/m}^2 \times 35\% \times 2.000\text{m}^2 = 5.040.000.000$ đồng.

Về hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: Hộ bị thu hồi 3.000m² đất nông nghiệp, không xác định được diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại thời điểm thu hồi. Theo khoản 2 Điều 31 quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L quy định:

“2. Trường hợp diện tích đất nông nghiệp thu hồi dưới 30% và trường hợp diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là đất tự khai phá, sang nhượng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao (không thể xác định được tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi so với diện tích đất nông nghiệp được giao) thì việc tính toán hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà diện tích đất nông nghiệp thu hồi từ 500m² trở lên và không bị giải tỏa nhà ở hoặc chỉ bị giải tỏa một phần nhà ở, thì cứ 500m² bị thu hồi được hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 khẩu trong thời gian 03 tháng, nhưng tối đa không vượt quá số nhân khẩu hiện có trong hộ.

3. Mức hỗ trợ bằng tiền cho 01 nhân khẩu/01 tháng tương đương 30kg gạo tẻ thường tính theo thời giá trung bình tại địa phương (theo báo cáo tình hình giá cả thị trường hàng tháng của Phòng Tài chính- Kế hoạch cấp huyện)”.

Theo sổ Hộ khẩu số 392700192 cấp ngày 30/7/2008 thì hộ bà K có 03 nhân khẩu. Đơn giá theo báo cáo tình hình khảo sát giá cả của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại thời điểm tháng 02/2022 là 13.000 đồng/kg. Căn cứ quy định nêu trên, hộ bà K được tính toán hỗ trợ đối với 03 nhân khẩu trong hộ khẩu, trong thời gian 03 tháng, với tổng số tiền 03 khẩu $\times 13.000 \text{ đồng/kg} \times 30\text{kg} \times 03 \text{ tháng} = 3.510.000$ đồng.

- Về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: Theo khoản 1 Điều 32 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi từ một hay nhiều dự án có tổng diện tích thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp mà không được Nhà nước bồi thường bằng đất nông nghiệp (giao

đất nông nghiệp tái định canh) thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định sau đây:

Những thành viên trong hộ gia đình còn trong độ tuổi lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng/lao động. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi dưới 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nhưng diện tích đất bị thu hồi trên 1.000m² thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho 01 lao động theo mức 5.000.000 đồng”.

Hộ bà K được tính toán hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho 01 lao động với mức 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K đối với diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 1122, tờ bản đồ số 01, xã H (nay là chợ P1) là 5.473.760.000 đồng.

Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K theo văn bản số 591/UBND-VP ngày 17/3/2022 của UBND huyện Đ đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/9/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà K (lần đầu) và UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 giải quyết khiếu nại (lần 2) là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, UBND huyện Đ đã thực hiện đầy đủ công vụ, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà K.

Ủy ban nhân dân huyện Đ đã phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 3.000m² thuộc một phần thửa đất số 1122, tờ bản đồ số 01, xã H (nay là chợ P1, huyện Đ) cho hộ bà K theo đúng quy định. Việc tính toán bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo khung chính sách quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (đây là các văn bản còn hiệu lực thi hành vào thời điểm giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh L) và cũng là các văn bản áp dụng dựa trên cơ sở theo đúng như kết quả giải quyết tại Bản án số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Về giá đất được áp dụng theo đơn giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm năm 2022 được quy định tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ các hồ sơ có liên quan xử bác nội dung yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 182/2023/HC-ST ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đã tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu hủy Quyết định

số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 của UBND huyện Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà K; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà K (lần 2); Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà K lần đầu; buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, bà K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà K:

[1]. Bà K có diện tích 3.000m² đất, thuộc một phần diện tích thửa đất số 1122, tờ bản đồ địa chính số 01, xã H, nằm trong diện tích đất của chợ P1. Năm 1986, thực hiện chủ trương xây dựng chợ P1, UBND xã H đã lập thủ tục hoán đổi cho bà K một lô đất khác có diện tích 3.000m². Sau đó diện tích đất của bà K được Nhà nước quy hoạch, thu hồi để xây dựng chợ P1, nhưng không bồi thường cho bà K. Sau đó bà K đã khiếu nại đòi trả lại diện tích đất nêu trên.

Tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 04/8/2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà K, Chủ tịch UBND huyện Đ bác yêu cầu khiếu nại của bà K;

Tại Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 về việc giải quyết khiếu nại của bà K, Chủ tịch UBND tỉnh L bác yêu cầu khiếu nại của bà K;

Không đồng ý, bà K đã khởi kiện hành chính đề nghị Tòa án hủy 02 quyết định nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2019/HC-ST ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử: bác yêu cầu đề nghị hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 04/8/2006 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 06/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh L của bà K;

Bà K kháng cáo. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 731/2020/HC-PT ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà K, hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên và buộc Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L thực hiện công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà

K.

Thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, ngày 05/4/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K, với tổng số tiền là 5.473.760.000 đồng. Không đồng ý bà K đã khiếu nại

Ngày 05/4/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/4/2023 về việc giải quyết đơn khiếu nại đã bác khiếu nại của bà K (lần đầu). Bà K tiếp tục khiếu nại.

Ngày 05/6/2023, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1102/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà K (K'Phấn); Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại đã bác khiếu nại của bà K.

[2]. Xét Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 của UBND huyện Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà K (K'Phấn); Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà K (K) (lần 2); Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà K (K'Phấn) lần đầu; buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà K (K'Phấn), là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Điều 69; Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; Các Điều: 7, 8, 9, 18, 21 30, 31 của Luật khiếu nại.

[3]. Xét Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ UBND huyện Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K với tổng số tiền là 5.473.760.000 đồng, là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư. Cụ thể:

- Đối với đơn giá đất: Áp dụng đơn giá theo quy định tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh, đối với đất trồng cây hàng năm, vị trí 1, trong khu dân cư xã H, đơn giá được xác định không vượt quá 50% giá đất nông nghiệp tương ứng quy định tại cùng vị trí, cùng địa bàn. Như vậy, đơn giá bồi thường là $94.500 \text{ đồng/m}^2 + (94.500 \times 50\%) = 141.750 \text{ đồng/m}^2$. Tổng số tiền bồi thường về đất đối với diện tích 3.000m^2 là $3.000\text{m}^2 \times 141.750 \text{ đồng/m}^2 = 425.250.000 \text{ đồng}$.

- Đối với hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Ngoài việc tính toán bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng, hộ bà K còn được hỗ trợ bằng 35% đơn giá đất ở liền kề theo đơn giá đất ở tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh C tại thời điểm có quyết định phê duyệt đối với diện tích 2.000m^2 đất ở (bằng 05 lần hạn mức giao đất ở tại xã H) theo quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của UBND tỉnh L. Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 01, xã H có vị trí đất ở thuộc Quốc lộ B, đoạn Từ đường hẻm cạnh thửa

534, tờ bản đồ 20 đến thửa 677, tờ bản đồ 21 (đường vào Nhà trẻ Hoa Anh Đ), đơn giá theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh là 7.200.000 đồng/m². Như vậy, tổng số tiền hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư cho hộ bà K là 7.200.000 đồng/m² x 35% x 2.000m² = 5.040.000.000 đồng.

- Đối với hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: Hộ bà K được tính toán hỗ trợ đối với 03 nhân khẩu trong hộ khẩu, trong thời gian 03 tháng, với tổng số tiền 03 khẩu x 13.000 đồng/kg x 30kg x 03 tháng = 3.510.000 đồng.

- Đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: Hộ bà K được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho 01 lao động với mức 5.000.000 đồng.

[4]. Như vậy, tổng số UBND huyện Đ phê duyệt để bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà K đối với diện tích 3.000m² bị thu hồi là 5.473.760.000 đồng, là có căn cứ đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà K. Tại phiên tòa phúc thẩm bà K cho rằng giá đất của gia đình bà phải được bồi thường theo giá thị trường 28.000.000 đ/m², là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà K đề nghị các quyết định hành chính nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bà K là người cao tuổi nên được miễn.

[7]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241; Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà K.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 182/2023/HC-ST ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 69; Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; Các Điều: 7, 8, 9, 18, 21 30, 31 của Luật khiếu nại; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 15/8/2009 của Chính phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T4; Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh L ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định

về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 811/QĐ-UBND-ĐĐ ngày 05/4/2022 của UBND huyện Đ về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với bà K; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà K (lần 2); Quyết định số 45/QĐ-UBND-ĐT ngày 05/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà K lần đầu; buộc UBND huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về giải quyết bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà K.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà K được miễn án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- ĐS;
- Lưu VP, HS. ĐTTB (16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương